

Bản án số: 98/2026/HS-PT

Ngày: 11/3/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chương

Ông Nguyễn Thanh Nhã

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Chính – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11/3/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2026/TLPT-HS ngày 21/01/2026 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T. đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2025/HS-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện F – Thành phố Hà Nội theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử phúc thẩm số 73/2026/QĐXXPT-HS ngày 27/02/2026 đối với:

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T., sinh năm 1966; Đăng ký thường trú: Thôn A, xã D, huyện F, thành phố Hà Nội (nay là xã E, thành phố Hà Nội); Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Quỹ tín dụng Bắc Sơn; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Đảng viên; Con ông Nguyễn Văn X.; Con bà Nguyễn Thị Đ.; Vợ là Dương Thị O. và có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 06/12/2017 bị Công an huyện F xử phạt hành chính 7.500.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trái phép (Đã nộp phạt). Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án này, còn có 02 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

- Các bị cáo không có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Thu T., sinh năm 1984; Đăng ký thường trú: Thôn A, xã E, Thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

2. Nguyễn Văn U., sinh năm 1965; Đăng ký thường trú: Thôn C, xã E, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Bị hại không kháng cáo: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở xã D – huyện F - Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn B. – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T. – Thành viên Hội đồng quản trị. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Kim L., sinh năm 1981; Đăng ký thường trú: Thôn B, xã E, Thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Hữu T., sinh năm 1974; Đăng ký thường trú: Thôn B, xã E, Thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2006 đến 2014, Nguyễn Thị Thu T. (Sinh năm 1984, ở thôn A, xã D, huyện F, thành phố Hà Nội, nay là xã E, thành phố Hà Nội) là cán bộ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở xã Bắc Sơn, huyện F. Đến khoảng năm 2015, Thành được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở xã D. Ngày 10/4/2017, lợi dụng chức vụ, Thành tự ý làm giả 01 bộ hồ sơ vay vốn đứng tên chị gái là Nguyễn Thị Kim L., sinh năm 1981 và anh rể là Phạm Hữu T., sinh năm 1974 (đều trú tại thôn B, xã D, huyện F, Hà Nội) để vay Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở xã D 250.000.000 đồng sử dụng cá nhân. Việc Thành làm hồ sơ vay tiền tại Quỹ tín dụng thì vợ chồng anh Toàn, chị Liên không biết. Đến ngày 29/6/2018, Thành đã tắt toán hết khoản vay 250.000.000 đồng.

Ngày 30/6/2018, Thành lợi dụng chức vụ Phó Giám đốc tại Quỹ đã lấy bộ hồ sơ vay vốn của chị Nguyễn Thị Kim L. trước đó gửi tại Quỹ để vay vốn nhưng không được phê duyệt vay, lập giả 01 bộ hồ sơ đứng tên chị Liên, anh Toàn để vay 200.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng. Thời điểm này, Thành giữ chức vụ Phó giám đốc Quỹ tín dụng và Trưởng ban tín dụng của Quỹ nên Thành là người vừa lập hồ sơ, vừa ký thẩm định rồi chuyển lên Nguyễn Văn U. - Trưởng ban kiểm soát kiểm tra. Nguyễn Văn U. có trách nhiệm kiểm soát, giám sát các hoạt động của khách hàng mở hồ sơ vay vốn tại Quỹ, thẩm tra khách hàng vay vốn có đủ điều kiện vay vốn hay không, nếu đủ điều kiện vay vốn tại Quỹ thì ký xác nhận và trình Giám đốc phê duyệt. Bản thân Uyên biết hồ sơ vay vốn đứng tên Nguyễn Thị Kim L. do Thành lập nhưng do thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra đã không kiểm tra xác minh kỹ mục đích vay vốn theo quy định, quy chế cho khách hàng vay vốn nên đã đồng ý ký duyệt vào hồ sơ vay vốn trình lên Nguyễn Văn T. - Giám đốc Quỹ tín dụng. Nguyễn Văn T. với cương vị Giám đốc - là người có trách nhiệm xem xét báo cáo thẩm định và toàn bộ hồ sơ do cán bộ tín dụng trình lên, trong trường hợp cần thiết, Thanh có thể thẩm định lại hoặc giao cho cán bộ tín dụng thẩm định tiếp những nội dung cần bổ sung và là người quyết định cho vay hay không cho vay,

nhưng do thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra hồ sơ vay nên Thanh đã đồng ý ký duyệt vào hồ sơ vay do Nguyễn Thị Thu T. làm giả dẫn đến Quỹ tín dụng bị thất thoát 200.000.000 đồng.

Ngày 10/7/2021, Thành nghị việc tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở xã D và không trả được khoản vay 200.000.000 đồng trên nên Quỹ tín dụng đã nhiều lần gửi thông báo đến Cơ quan, gia đình của vợ chồng anh Toàn, chị Liên. Do bức xúc việc gia đình không vay vốn tại Quỹ tín dụng nhưng bị thông báo nợ nên anh Phạm Hữu T. đã đến Công an huyện Sóc Sơn trình báo.

*** *Tại Bản kết luận giám định số 7981 ngày 28/08/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội kết luận:***

+ Hình dấu tròn có nội dung: “UBND XÃ BẮC SƠN H SÓC SƠN T.P HÀ NỘI” trên mẫu cần giám định (GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIÊM PHƯƠNG ÁN VAY VỐN - Ký hiệu A1) với hình dấu có nội dung: “ UBND XÃ BẮC SƠN H SÓC SƠN T.P HÀ NỘI” trên mẫu so sánh (Ký hiệu M1) do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký đứng tên Trần Đình C. trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1) với chữ ký đứng tên Trần Đình C. trên mẫu so sánh (Ký hiệu M1) là chữ do cùng một người ký ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Phạm Hữu T. tại mặt trước; Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Phạm Hữu T. dưới mục: “NGƯỜI CÙNG ĐỪNG VAY” tại mặt sau trên cần giám định (Ký hiệu A1) với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Hữu T. trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M2 đến M4) có phải chữ do cùng một người ký và viết ra hay không.

+ Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thu T. trên mẫu cần giám định (BÁO CÁO THẨM ĐỊNH - người thẩm định đứng tên Nguyễn Thị Thu T., đề ngày 30/6/2018 - Ký hiệu A4) với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thu T. trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M5 đến M7) là chữ do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký dạng chữ viết “ Liên”, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị Kim L. dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A1; HÓA ĐƠN BÁN LẺ - người nhận hàng đứng tên Nguyễn Thị Kim L., đề ngày 20/6/2018 - ký hiệu A2; GIẤY NHẬN NỢ - người nhận nợ đứng tên Nguyễn Thị Kim L., đề ngày 30/6/2018 - ký hiệu A5; HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG - Dùng cho hộ gia đình, cá nhân – số 2018-00644/HĐTD, đại diện bên vay đứng tên Nguyễn Thị Kim L., đại diện bên cho vay (Giám đốc) đứng tên Nguyễn Văn T., đề ngày 30/6/2018 - Ký hiệu A6; BẢN CAM KẾT - người làm đơn đứng tên Nguyễn Thị Kim L., đề ngày 30/6/2018 - ký hiệu A7; BIÊN BẢN kiểm tra, xác minh khách hàng vay vốn và sử dụng vốn vay QTD xã D - đại diện TV vay vốn đứng tên Nguyễn Thị Kim L., đề ngày 13/8/2020 - ký hiệu A9) với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Kim L. trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M9 đến M11) là chữ do cùng một người viết ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký dạng chữ viết “Liên”, chữ viết dòng họ tên

Nguyễn Thị Kim L. dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ CÔNG TÁC - người đề nghị vay vốn đứng tên Nguyễn Thị Kim L., đề ngày 13/3/2018 - Ký hiệu A3; BIÊN BẢN KIỂM TRA SỬ DỤNG VỐN VAY - người vay vốn đứng tên Nguyễn Thị Kim L., đề ngày 10/7/2018 - ký hiệu A8) với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Kim L. trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M9 đến M11) có phải là chữ do cùng một người viết ra hay không.

*** Tại Bản Kết luận giám định số 7277 ngày 29/01/2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:**

+ Hình dấu tròn có nội dung “ UBND XÃ BẮC SƠN H. SÓC SƠN T.P HÀ NỘI” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M1 do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký đứng tên Trần Đình C. trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Trần Đình C. trên mẫu so sánh ký hiệu M1 do cùng một người ký ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Phạm Hữu T. dưới cột “CHỮ KÝ” tại mặt trước và chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Hữu T. dưới mục “NGƯỜI CÙNG ĐÚNG VAY” tại mặt sau mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Phạm Hữu T. trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M3, M4 có phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

+ Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thu T. trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ ký của Nguyễn Thị Thu T. trên các mẫu so sánh ký hiệu M5, M6, M7 do cùng một người ký ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký “ Liên” và các chữ ký “ Nguyễn Thị Kim L.” phía dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, từ A5 đến A9 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Kim L. trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M8 đến M11 có phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

*** Tại Bản kết luận giám định số 8175/KL-KTHS ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội kết luận:** Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị Kim L. (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định (Phiếu chi, số chứng từ: 01PC0007, người nhận: Nguyễn Thị Kim L., đề ngày 30/06/2018 - ký hiệu A) là chữ do ai trong số 04 người có mẫu chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Kim L., Nguyễn Thị Thu T., Tạ Thị Kim Đ., Nguyễn Thị Thu H. trên các mẫu so sánh - ký hiệu từ M1 đến M16 ký và viết ra”.

Tại cơ quan CSĐT - Công an huyện F, các bị cáo Nguyễn Văn T. và Nguyễn Văn U. đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo Nguyễn Thị Thu T. ban đầu khai nhận vay số tiền 200.000.000 đồng như trên và do làm ăn thua lỗ không có khả năng trả lại tiền cho Quỹ. Quá trình điều tra, Thành thay đổi lời khai về việc lập hồ sơ vay vốn đứng tên anh Phạm Hữu T., chị Nguyễn Thị Kim L. chỉ là hình thức để bù vào các khoản đã chi của Quỹ tín dụng, thực tế Thành không nhận được số tiền 200.000.000 đồng này. Nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra vụ án như: Lời khai người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội như nêu trên của bị cáo Thành.

Đối với khoản vay 250.000.000 đồng do Thành làm giả hồ sơ đứng tên chị Nguyễn Thị Kim L., anh Phạm Hữu T.: Mặc dù Thành làm giả hồ sơ để vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân xã D nhưng do khoản vay này Thành đã tất toán xong, Quỹ tín dụng không bị thiệt hại gì nên hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Cơ quan CSĐT - Công an huyện F không đề cập xử lý đối với Thành về hành vi này.

Đối với việc giám định tâm thần Nguyễn Thị Thu T.: Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Thu T. cùng gia đình cung cấp thông tin Thành nhiều lần đi điều trị tại các cơ sở chuyên khoa về tâm thần. Do nghi ngờ Thành có dấu hiệu bệnh lý tâm thần nên Viện KSND huyện F đã ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện F để thực hiện việc giám định tâm thần. Tuy nhiên, cơ quan điều tra không thực hiện và có quan điểm: Không có tài liệu ghi nhận việc Thành có tiền sử mắc bệnh về tâm thần, Thành vẫn sinh sống, đi học, xây dựng gia đình và làm việc bình thường. Giai đoạn năm 2017 khi vụ án xảy ra và chưa bị phát hiện Thành vẫn làm Phó Giám đốc Quỹ tín dụng kiêm Trưởng bộ phận tín dụng của Quỹ tín dụng nhân dân xã D và giai đoạn này không có tài liệu ghi nhận Thành mắc bệnh lý liên quan đến tâm thần. Năm 2021, khi vụ án được phát hiện thì Thành mới đi thăm khám và điều trị tại một số cơ sở y tế như Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn, Bệnh viện Thanh Nhàn, Bệnh viện tâm thần Hà Nội, Bệnh viện Bạch Mai với chẩn đoán Rối loạn tâm thần thực tổn, Rối loạn hoang tưởng, động kinh. Ngoài ra, Thành không có trong danh sách theo dõi bệnh nhân tâm thần tại địa phương, chính quyền địa phương nơi bị can Thành cư trú cung cấp Thành không có biểu hiện gì về tâm thần. Do vậy, không có căn cứ nghi ngờ năng lực trách nhiệm hình sự của bị can Thành, nên cơ quan CSĐT - Công an huyện F không thực hiện việc giám định tâm thần đối với bị can Thành.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2025/HSST ngày 24/06/2025 của Tòa án nhân dân huyện F đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T. phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”; Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360; Điểm b, s, x khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T. 24 tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày 24/6/2025.

Ngoài ra bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt của các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T. có kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận định đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T. về hình thức.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2025/HS-ST ngày 24/06/2025 của Tòa án nhân dân huyện F – Thành phố Hà Nội, cụ thể: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360; Điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T. 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày 24/06/2025.

- Bị cáo cho rằng đã ký duyệt hồ sơ cho vay là đúng quy trình, đúng điều lệ; số tiền 200.000.000 đồng không bị thất thoát, không có cơ quan nào báo bị thiệt hại, số tiền vẫn đang được hạch toán và theo dõi trên sổ sách hồ sơ. Sai phạm của bị cáo chỉ đến mức xử lý hành chính. Mức hình phạt đã tuyên là quá nặng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo Nguyễn Văn T. có đơn kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận về hình thức.

[2] Về tội danh:

Căn cứ lời khai của bị cáo, đại diện bị hại, người liên quan; các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 30/6/2018, Nguyễn Thị Thu T. - Nguyên Phó Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở xã D đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao đã lập không hồ sơ vay vốn và ký thẩm định hồ sơ vay lấy tên chị gái là Nguyễn Thị Kim L. sinh năm 1981 và anh rể là Phạm Hữu T. sinh năm 1974; trú tại: thôn B, xã D, huyện F, thành phố Hà Nội để vay tiền Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở xã D số tiền 200.000.000 đồng mục đích chi tiêu cá nhân.

Hồ sơ vay vốn do Nguyễn Thị Thu Thành lập không, không đảm bảo điều kiện cho vay: Không có *Giấy phép xây dựng, Hợp đồng xây dựng hoặc Hợp đồng mua bán nhà; không có giấy tờ về tài sản đảm bảo (Trong trường hợp cho vay có đảm bảo bằng tài sản hoặc bảo lãnh của bên thứ ba)* vi phạm khoản 2 Điều 34 của Quy chế về cho vay của Quỹ tín dụng nhân dân Bắc Sơn (*Cho vay xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mua nhà ở đối với dân cư*). Mặt khác, bị cáo Nguyễn Thị Thu T. là người trực tiếp thẩm định hồ sơ cho chị gái là Nguyễn Thị Kim L. vay vốn, vừa ký mục người thẩm định, vừa ký mục cán bộ tín dụng là không đúng quy định. Hợp đồng tín dụng chỉ có chữ ký của Nguyễn Thị Kim L. mà không có chữ ký của anh Phạm Hữu T..

Với hồ sơ không đủ điều kiện để cho vay, Nguyễn Văn T. - Giám đốc Quỹ tín dụng và Nguyễn Văn U. - Trưởng ban giám soát - Quỹ tín dụng là những người có chức vụ và quyền hạn do thiếu trách nhiệm kiểm soát, giám sát, thẩm tra hồ sơ vay vốn cũng như không xác minh kỹ mục đích vay vốn theo quy định, quy chế cho khách hàng vay vốn nên đã đồng ý ký duyệt vào hồ sơ vay vốn trên dẫn đến thất thoát số tiền 200.000.000 đồng tiền của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở xã D.

Tại sổ phụ tiền vay tính từ khi hồ sơ vay 200.000.000 đồng mang tên Nguyễn Thị Liên được giải ngân vào ngày 30/6/2018, chỉ có 6 lần được trả lãi; lần cuối cùng là vào ngày 21/9/2020. Sau đó, không ghi nhận phát sinh thêm giao dịch trả lãi nào đối với khoản vay này. Do hồ sơ không có đầy đủ Giấy tờ về tài sản đảm bảo nên đến ngày 29/11/2023, khoản vay 200.000.000 đồng đã được xử lý nợ gốc bằng quỹ dự phòng. Sau khi khởi tố vụ án, chuẩn bị xét xử thì Nguyễn Thị Thu T. và gia đình mới khắc phục hậu quả.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T. đã phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” thuộc trường hợp “*Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*” theo điểm d khoản 1 điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2025/HSST ngày 24/06/2025 của tòa án nhân dân huyện F – Thành phố Hà Nội đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T. phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt

Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo; Sau khi xem xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến uy tín, lợi ích của tổ chức trong lĩnh vực tín dụng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của tổ chức tín dụng, làm giảm niềm tin của nhân dân khi tham gia hoạt động tín dụng.

Tuy nhiên, bị cáo phạm tội do cầu thả, thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Quá trình điều tra, xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo; Bị cáo đã tự nguyện nộp 40.000.000 đồng khắc phục hậu quả cho Quỹ tín dụng Bắc Sơn; được Quỹ tín dụng Bắc Sơn có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự; Gia đình bị cáo có công với cách mạng, có bố đẻ là ông Nguyễn Văn X. là liệt sỹ chống Mỹ cứu nước; bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, việc cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

Bản án sơ thẩm số 145/2025/HSST ngày 24/06/2025 của tòa án nhân dân huyện F – Thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T. 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” là phù hợp, có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Về hiệu lực thi hành bản án: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2025/HS-ST ngày 24/06/2025 của Tòa án nhân dân huyện F – Thành phố Hà Nội, cụ thể:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T. phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”;

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360; Điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T. 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày 24/06/2025.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T. cho Ủy ban nhân dân Xã Trung Giã, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn T. không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Về hiệu lực thi hành bản án: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- CQCSĐT thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 7 – Hà Nội;
- TAND khu vực 7 – Hà Nội;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- UBND xã E, TP Hà Nội
- Lưu hồ sơ.

Trần Đức Hiếu